

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0564.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - Sơn Đông
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE**
ĐẾN Số: 550.....
Ngày: 10/5/19.
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,35 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,45	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	26,50 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,98 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	23,20 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	0,77 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0564.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 03 tháng 05 năm 2019


Võ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0574.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Chi Công 96F Nguyễn Thị Định - Phú Khương
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,35 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,64	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	25,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,08 mg/l	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,30 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	21,48 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	0,77 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,01 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	17/04/2019

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

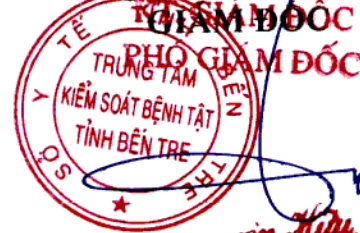
Ghi chú:

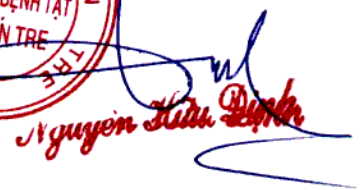
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN


Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 04 tháng 05 năm 2019




Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0575.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : 26 Phan Ngọc Tông, phường 2
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,57 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,65	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	25,50 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,22 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	22,09 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,03 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	17/04/2019

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

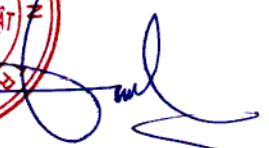
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN


Võ Thị Giem

Bến Tre, ngày 04 tháng 05 năm 2019



Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0576.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : 9/60 KP1, phường 3 Ngô Quyền
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,53 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,63	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	26,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,30 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	22,80 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,03 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,05 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	17/04/2019

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN


Võ Chi Giếm

Bến Tre, ngày 04 tháng 05 năm 2019


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0577.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Tầng Áp
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,27 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,55	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	96,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	26,50 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,11 mg/l	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,50 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	22,60 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,03 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,11 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	17/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 06 tháng 05 năm 2019


Võ Thị Giem


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0578.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1. TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Hộ cơ - QL 60 - Mỏ Cày Bắc
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

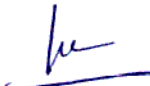
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,23 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,58	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	96,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	26,50 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	3,30 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	22,90 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,04 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CDHA-TDCN


Võ Thị Cẩm

Bến Tre, ngày 06 tháng 05 năm 2019

STÁM ĐỐC
PHỤ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Kiều Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0579.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Tập hóa Hằng - Định Thủy - Mỏ Cày Nam
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,33 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,57	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	26,50 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,42 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	23,91 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,06 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,02 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CDHA-TDCN

Bến Tre, ngày 06 tháng 05 năm 2019


Võ Thị Giém

KIỂM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0568.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu An Hiệp
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,22 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,40	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	96,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	20,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,12 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,92 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	27,55 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,54 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,10 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0568.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

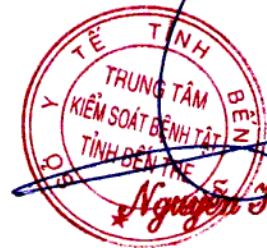
KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 03 tháng 05 năm 2019



Võ Thị Giém

**KIỂM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0561.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - Chi nhánh Phú Tân
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,44 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,41	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	98,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	35,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,12 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,49 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	22,39 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0.02 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0561.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 03 tháng 06 năm 2019


Võ Thị Giém

ĐÃ KIỂM ĐỌC
ĐÃ KIỂM ĐỌC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0562.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn - Chi nhánh Tân Thạch
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,62 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,28	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	98.00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	40,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,21 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,86 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	24,52 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,03 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,4 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0562.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 03 tháng 05 năm 2019

Võ Thị Giém

KIỂM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT ĐỆNH XE
TỈNH BẾN TRE
Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0563.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cuối nguồn - Chi nhánh KCN Giao Long
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,56 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,32	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	100,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	43,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,15 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,62 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	24,92 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,47 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0563.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 03 tháng 05 năm 2019

Võ Thị Giém



KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0580.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - NMN Lương Quới
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,62 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,39	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	218,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	435,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,60 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	52,60 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,98 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	17/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN


Võ Thị Cẩm

Bến Tre, ngày 06 tháng 05 năm 2019


PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0581.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn - Chi nhánh Giồng Trôm
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,77 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,41	6,5 - 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	220,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	420,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH (MLOD=0,03mg/l)	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrát	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,70 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	49,57 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (b)	1,66 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,04 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,4 mg/l	0,3-0,5mg/l	17/04/2019

Mã số mẫu: 0581.19

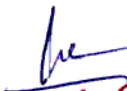
Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CDHA-TDCN

Bến Tre, ngày 06 tháng 05 năm 2019
GIÁM ĐỐC


Võ Thị Giém

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 0582.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cuối nguồn - Bình Thành
Ngày lấy mẫu : 17/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 17/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	17/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	17/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,96 NTU	≤ 2 NTU	17/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,56	6,5 – 8,5	17/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	228,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	435,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH (MLOD=0,03mg/l)	≤ 0,3 mg/l	19/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	4,52 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	51,89 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chi số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,60 mg/l	≤ 2 mg/l	17/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,05 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	17/04/2019

Mã số mẫu: 0582.19

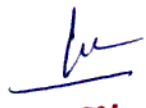
Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 06 tháng 05 năm 2019
GIÁM ĐỐC


Võ Thị Giém

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0565.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - Chợ Lách
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,83 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,68	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	96,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	15,50 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	3,54 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	21,79 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0565.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN


Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 03 tháng 05 năm 2019

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0566.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Rửa xe Hưng ấp Bình An B - thị trấn Chợ Lách
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,90 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,59	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	16,00 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,11 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,49 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	25,93 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0566.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 03 tháng 05 năm 2019

Võ Thị Giém

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0567.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nữ Định Bình - Hòa Nghĩa
Ngày lấy mẫu : 16/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	16/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	18/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017	0,88 NTU	≤ 2 NTU	16/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,59	6,5 – 8,5	16/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	18/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	16,50 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,12 mg/l	≤ 0,3 mg/l	18/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,62 mg/l	≤ 50 mg/l	18/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01mg/l)	≤ 3 mg/l	18/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	26,33 mg/l	≤ 250 mg/l	18/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	0,77 mg/l	≤ 2 mg/l	16/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,04 mg/l	0,3 mg/l	18/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	16/04/2019

Mã số mẫu: 0567.19

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 03 tháng 05 năm 2019

Võ Thị Giếm



Nguyễn Hữu Bình